CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Áp dụng từ khóa 2018)

Ngành đào tạo: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ VÀ TRUYỀN THÔNG

TT	Mã MH	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
Học kỳ 1: 16 Tín chỉ (không tính học phần GDQP)							
Học phần bắt buộc			**16**				
1	228040	Mạch điện	3				
2	228255	Kỹ thuật điện tử	2				
3	229100	Tin học	2				
4	228127	Nhập môn Kỹ thuật điện tử viễn thông	2				
5	228261	Kỹ thuật số	2				
6	226020	Pháp luật đại cương	2				
7	234012	Giáo dục quốc phòng - An ninh	5				
8	224003/ 200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3				
Học kỳ 2: 18 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**16**				
9	223006	Chính trị 1	3				
10	228128	Kỹ thuật truyền sóng và anten	2				
11	228057	Thực tập điện tử cơ bản	2				
12	228060	Thực tập kỹ thuật số	2				
13	228254	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp ngành điện tử truyền thông	1				
14	224004/ 200002	Anh văn 2/Tiếng Nhật 2	3				
15	222033	Toán ứng dụng A	3				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
16.1	234002	Bóng chuyền 1	2				
16.2	234006	Bóng đá 1	2				
16.3	234007	Bóng rổ 1	2				
16.4	234008	Cầu lông 1	2				
16.5	234009	Aerobic 1	2				
Học phần tự chọn			**2**				
17.1	226035	Soạn thảo văn bản	2				
17.2	229030	Tin học văn phòng	2				
17.3	227073	Lập trình C++	2				
Học kỳ 3: 18 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							

Học phần bắt buộc			**16**				
18	228135	Truyền số liệu	2				
19	228145	Xử lý tín hiệu số	2				
20	228240	Thực tập xử lý tín hiệu số trên Matlab	1				
21	228192	Vi điều khiển	2				
22	228131	Thực tập thiết bị viễn thông đầu cuối	2				
23	228134/ 200004	Anh văn chuyên ngành (Điện tử truyền thông)/Tiếng Nhật 4	2				
24	228147	Thực tập truyền số liệu	2				
25	224016/ 200003	Anh văn 3/Tiếng Nhật 3	3				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
26.1	234003	Bóng chuyền 2	2				
26.2	234010	Bóng đá 2	2				
26.3	234011	Bóng rổ 2	2				
26.4	234013	Cầu lông 2	2				
26.5	234014	Aerobic 2	2				
Học phần tự chọn			**2**				
27.1	228253	Lập Trình điều khiển trên thiết bị di động Android.	2				
27.2	228070	Thực tập vi điều khiển	2				
27.3	228160	Autocad (điện)	2				
Học kỳ 4: 18 Tín chỉ							
Học phần bắt buộc			**16**				
28	223007	Chính trị 2	3				
29	228133	Thực tập mạng máy tính, viễn thông	2				
30	228140	Thông tin quang và vi ba số	3				
31	228180	Kỹ thuật chuyển mạch	2				
32	228141	Ghép kênh tín hiệu	2				
33	228132	Mạng máy tính, viễn thông	2				
34	228183	Thiết kế mạch điện tử	2				
Học phần tự chọn			**2**				
35.1	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
35.2	226017	Môi trường và con người	2				
Học kỳ 5: 10 Tín chỉ							
Học phần bắt buộc			**8**				
36	228146	Thực tập ghép kênh tín hiệu	2				
37	228215	Đồ án điện tử viễn thông	1				
38	228139	Thông tin di động	3				
39	228003	Cấu trúc máy tính giao diện	2				

40	222035	Kỹ năng mềm	2				
Học phần tự chọn			**2**				
41.1	228136	Hệ thống thu phát vô tuyến	2				
41.2	228193	Xử lý ảnh	2				
41.3	228144	Lý thuyết thông tin và mã hóa	2				
Học kỳ 6: 10 Tín chỉ							
Học phần bắt buộc			**5**				
42	228250	Thực tập tốt nghiệp (Điện tử viễn thông)	5				
Học phần tự chọn			**5**				
43.1	228149	Khóa luận tốt nghiệp	5				
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp							
43.2	228151	Tổng đài điện tử	2				
43.3	228171	Chuyên đề công nghệ viễn thông	3				